

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2019/HC-PT

Ngày: 13/6/2019

V/v: Khiếu kiện "Quyết định giải quyết  
khiếu nại về quản lý đất đai"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Anh Dũng;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Ông Lê Minh Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 310/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 9 năm 2018 về khiếu kiện "Quyết định giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HC-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6083/2019/QĐPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Ngọc S; địa chỉ: Tổ 31, khu 5, phường K, thành phố L, tỉnh N, vắng mặt.

Ông Nguyễn Ngọc S ủy quyền cho bà Phạm Thị Thu A (Giấy ủy quyền ngày 12/6/2019); bà A có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Luật sư Lưu Văn Q - Công ty luật TNHH N và cộng sự, chi nhánh L, có mặt.

**Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng H - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Quang H - Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền số 35 ngày 27/3/2019), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện: Ông Trần Quốc H, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố L, có mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L. Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Q (theo Văn bản ủy quyền số 01/GUQ-CT ngày 22/02/2019) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Bùi Thị O (vợ ông Nguyễn Ngọc S), bà O ủy quyền cho bà Phạm Thị Thu A.

- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại T, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 27/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND “V/v thu hồi 2.803,1m<sup>2</sup> đất tại khu 5 phường K để bồi thường GPMB thực hiện dự án: Xây dựng khu nhà chung cư, khu dân cư phục vụ người có thu nhập thấp tại phường K”. Theo đó, gia đình ông Nguyễn Ngọc S, bà Bùi Thị O bị thu hồi 1.667,8m<sup>2</sup> đất.

Cùng ngày 27/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 05 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc S, bà Bùi Thị O. Theo đó, hộ gia đình ông S được bồi thường, hỗ trợ 629.718.728,89 đồng, bao gồm: Bồi thường về đất: 319.848.400 đồng; bồi thường về kiến trúc: 229.764.168.89 đồng; bồi thường về cây, hoa màu: 6.830.000 đồng.

Ngày 29/8/2017, Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 7752/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ ông Nguyễn Ngọc S, bà Bùi Thị O. Theo đó, hộ gia đình ông S được bổ sung hỗ trợ đất vườn ao liền kề là 9.749.000 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố L, ông S và bà O ủy quyền cho bà Phạm Thị Thu A có đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L.

Ngày 13/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L ban hành Quyết định số 8532/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Thu A (người nhận ủy quyền của ông, bà Nguyễn Ngọc S - Bùi Thị O, trú tại: Tổ 31, khu 5, phường K, thành phố L) với nội dung không chấp nhận khiếu nại về việc: Đề nghị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình theo Luật Đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 331,6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 184,2m<sup>2</sup> đất tại thửa 10/16/BĐĐC-ĐGT.

Ngày 14/11/2017, ông Nguyễn Ngọc S có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh N yêu cầu hủy Quyết định số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L và buộc Ủy ban nhân dân thành phố L lập lại phương án bồi thường cho gia đình ông theo hướng:

1. Xác định lại phương án bồi thường, hỗ trợ - tái định cư cho gia đình ông S theo quy định của Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành theo luật đất đai 2003.

2. Bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S đối với 331.6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng một thửa đất có nhà ở được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với 184.2m<sup>2</sup> đất tại thửa 10/16/BDĐC - ĐGT.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HCST ngày 16 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 18 Luật khiếu nại số 02/2011/QH13.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L về việc “Giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Thu A (Người nhận ủy quyền của ông, bà Nguyễn Ngọc S - Bùi Thị O, trú tại tổ 31, khu 5, phường K, thành phố L) và buộc UBND thành phố L phải lập lại phương án bồi thường.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2018, người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; đề nghị chấp nhận yêu cầu lập phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông theo Luật Đất đai năm 2003 và bổ sung, bồi thường hỗ trợ đối với diện tích 331,6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà theo Luật Đất đai năm 2003.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án hành chính sơ thẩm và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241

Luật tổ tụng hành chính bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Quyết định giải quyết khiếu nại số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Ngày 14/11/2017, ông Nguyễn Ngọc S khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh N yêu cầu hủy Quyết định số 8532/QĐ-UBND và buộc Ủy ban nhân dân thành phố L lập lại phương án bồi thường là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 8532/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự và thủ tục ban hành Quyết định số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017: Quyết định giải quyết khiếu nại số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L được ban hành sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc S đối với quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của Ủy ban nhân dân thành phố L là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 29 Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về nội dung: Đối với nội dung đề nghị lập phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông S theo Luật đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 331,6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003.

[2.2.1]. Ngày 25/8/2011, UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 2712/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư, chung cư (phục vụ người có thu nhập thấp) tại phường K, thành phố L”; tiếp đó ngày 05/9/2011, UBND thành phố L ban hành Thông báo số 514/TB-UBND về việc “Thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường GPMB dự án: Đầu tư xây dựng Khu nhà ở phục vụ người có thu nhập thấp tại thành phố L”. Ngày 28/11/2014, Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ & TĐC thành phố L tổ chức họp để thẩm định thông qua phương án bồi thường của các hộ dân thuộc diện thu hồi thực hiện dự án. Ngày 27/7/2015, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1805/QĐ-UBND về việc “Thu hồi 2.803,1m<sup>2</sup> đất tại khu 5 phường K để bồi thường GPMB thực hiện dự án: Xây dựng khu nhà chung cư, khu dân cư phục vụ người có thu nhập thấp tại phường K”; cùng ngày

27/7/2015, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 05 hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Ngọc S. Như vậy, dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở phục vụ người có thu nhập thấp tại thành phố L là dự án chuyển tiếp giữa Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.2]. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân thuộc diện giải phóng mặt bằng dự án sau khi Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực (từ ngày 01/7/2014) được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*; điểm a khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định: *“4. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây: a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”*; Văn bản số 1245/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 03/9/2015 của Tổng cục Quản lý đất đai, Bộ Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn giải quyết vướng mắc liên quan đến việc áp dụng chính sách đối với dự án chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp chưa có quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”*.

[2.2.3]. Đối chiếu với trường hợp của hộ ông Nguyễn Ngọc S thì quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông S được phê duyệt cùng ngày 27/7/2015 sau ngày Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực. Vì vậy, các chính sách áp dụng trong việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông S (bao gồm cả việc bồi thường đối với diện tích 331,6m<sup>2</sup> - đất CLN trong giấy cấp) được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013 là có căn cứ. Do đó, yêu cầu đề nghị lập phương án, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông S theo Luật Đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 331,6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.4]. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Quyết định số 8532/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố L

không chấp nhận các nội dung khiếu nại về việc: Đề nghị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông S theo Luật Đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 331,6m<sup>2</sup> đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003; đề nghị bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 184,2m<sup>2</sup> đất tại thửa 10/16/BĐĐC-ĐGT là có căn cứ pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc S; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2018/HCST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ số tiền ông S đã nộp tiền dự phí án phí hành chính phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2016/0000979 ngày 02/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THA DS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Bình**